

# BẠC LIÊU

## 1. Thông tin chung

Bạc Liêu là tỉnh miền Tây Nam Bộ, thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 2.570 km<sup>2</sup>. Về phân cấp hành chính, tỉnh Bạc Liêu gồm 7 đơn vị hành chính cấp huyện và 64 đơn vị cấp xã, phường thị trấn. Trong đó, cấp huyện gồm 1 thành phố (TP.Bạc Liêu), 1 thị xã (Tx.Giá Rai) và 5 huyện thị ( Hồng Dân, Phước Long, Vĩnh Lợi, Đông Hải và Hòa Bình). Tỉnh Bạc Liêu nằm trong toạ độ từ 105°14'15" đến 105°51'54" kinh độ Đông và từ 9°00" đến 9°38'9" vĩ độ Bắc.

- Phía Bắc giáp tỉnh Hậu Giang và Kiên Giang;
- Phía Đông và Đông Bắc giáp tỉnh Sóc Trăng;
- Phía Tây và Tây Nam giáp tỉnh Cà Mau;
- Phía Đông và Đông Nam giáp biển Đông với bờ biển dài 56 km.

Bạc Liêu có địa hình khá bằng phẳng với những cánh đồng rộng, sông ngòi, kênh rạch chằng chịt. Bạc Liêu nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết chia làm hai mùa rõ rệt: Mùa nắng và mùa mưa.

Nổi tiếng là một miền đất trù phú, thiên nhiên ưu đãi, mưa thuận gió hòa, có nguồn tài nguyên phong phú và đa dạng... là điều kiện để tỉnh phát triển ngành kinh tế biển, nông - ngư nghiệp, thương mại, dịch vụ và du lịch. Thế mạnh của tỉnh là nông - ngư nghiệp, với diện tích canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản khá lớn, cùng với thêm lục địa tương đối rộng và một ngư trường rộng trên 40.000 km<sup>2</sup>.

Bạc Liêu là nơi có các cửa biển Gành Hào, Cái Cù, Chùa Phật, Nhà Mát, Huyện Kê, tạo điều kiện để thực hiện giao thương, trung chuyển hàng hoá ra vào tỉnh. Có quốc lộ 1A chạy qua từ đông sang tây, từ quốc lộ này có đường Cao Văn Lầu dài 8 km nối quốc lộ 1A với bờ biển và các tuyến đường xương cá nối tới các nơi khác của tỉnh, thuận tiện cho việc kết hợp các loại đường biển, đường sông và đường bộ thành một hệ thống giao thông hoàn chỉnh.

Bạc Liêu có vị trí khá quan trọng trong chiến lược khai thác và xây dựng vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Với vị trí thuận lợi trong giao thương đã tạo cho tỉnh có nhiều điều kiện hơn trong phát triển và giao lưu kinh tế với bên ngoài, khai thác các lợi thế về sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản và tương lai là công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch, giao thông vận tải.

## 2. Dân số và lao động

➤ Hiện trạng dân số năm 2015 của tỉnh Hậu Giang là 889.109 người, trong đó dân số thành thị là 260.916 người (29,34 %); dân số nông thôn là 628.193 người (70,66%). Mật độ dân số 346 người/ km<sup>2</sup>, cao nhất là thành phố Bạc Liêu với mật độ 887 người/km<sup>2</sup>, thấp nhất là huyện Đông Hải với 261 người/km<sup>2</sup>.

So với 12 tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, diện tích Bạc Liêu thuộc loại trung bình, đứng vào hàng thứ 7, nhưng dân số đứng vào hàng thứ 11, gồm các dân tộc chính là Kinh, Khmer và người Hoa chung sống cùng nhau trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam. Trong đó người Kinh chiếm khoảng 90%, Khmer gần 8% và người Hoa hơn 2%.

Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 12‰ năm 2011 xuống còn 6,01 ‰ vào năm 2015.

Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh năm 2015 là 632.988 người với 27,36% là lao động khu vực thành thị và 72,64% là lao động khu vực nông thôn.

Năm 2015, tỉnh đã giải quyết việc làm cho hơn 22.600 lao động, đạt gần 126% kế hoạch năm. Hoạt động đào tạo nghề, nhất là đào tạo nghề cho lao động nông thôn được đẩy mạnh, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 46,3%.

➤ Mục tiêu phấn đấu đến 2020, định hướng tới 2030:

Mục tiêu đến năm 2020: Dân số toàn vùng khoảng 950.000 - 965.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 450.000 - 460.000 người, tỷ lệ đô thị hóa khoảng 47-50%. Dân số nông thôn là khoảng 505.000 người.

Theo kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2016 - 2020, Bạc Liêu sẽ đào tạo nghề cho 60.000 lao động và nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 60%. Trong 5 năm tới, tỉnh Bạc Liêu phấn đấu mỗi năm đào tạo nghề cho 10.000 lao động nông thôn.

Đến năm 2020, tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 4%;

Dự kiến đến năm 2030: Dân số toàn vùng khoảng 1.100.000 - 1.120.000 người, trong đó dân số đô thị khoảng 690.000 - 700.000 người, với tỷ lệ đô thị hóa khoảng 55 - 60%. Dân số nông thôn là khoảng 420.000 người.

### 3. Cơ cấu kinh tế

➤ Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010 đạt 21.720.821 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 5,48%/năm.

Giá trị tổng sản phẩm của tỉnh theo giá hiện hành 2015 đạt 27.699.735 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ:

- Khu vực nông nghiệp giảm từ 47,45% năm 2010 xuống 45,95% năm 2015
- Công nghiệp - xây dựng tăng từ 13,62% năm 2010 lên 14,12% năm 2015.
- Dịch vụ tăng từ 36,22% năm 2010 lên 38,24% năm 2015.

Tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 31,15 triệu đồng/người/năm.

➤ Mục tiêu phấn đấu đến 2020:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm 2016 - 2020: 6,5 - 7% / năm

Cơ cấu kinh tế theo giá hiện hành đến năm 2020 là:

- Nông - Lâm - Ngư nghiệp giảm xuống còn 40,65%
- Công nghiệp và xây dựng tăng lên 16,30%
- Dịch vụ tăng lên 42,13%
- Riêng thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm: 0,92%

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 54,36 triệu đồng.

#### **4. Cơ cấu giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản**

➤ Năm 2015, sản xuất nông nghiệp phát triển ổn định, giá trị sản xuất toàn ngành nông nghiệp (nông - lâm - thủy sản) theo giá so sánh 2010 đạt 28.498.421 triệu đồng.

Giá trị sản xuất theo giá hiện hành 2015 đạt 37.418.931 triệu đồng. Trong đó:

- Giá trị sản xuất ngành nông nghiệp (trồng trọt - chăn nuôi) là 19.656.448 triệu đồng chiếm 28,48% (trồng trọt chiếm 68%, chăn nuôi chiếm 18,57% và dịch vụ nông nghiệp chiếm 13,22%);

- Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp là 113.009 triệu đồng chiếm 0,3%;

- Giá trị sản xuất ngành thủy sản là 26.649.384 triệu đồng chiếm 71,22%.

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

- Thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp gắn với bảo vệ môi trường nhằm đảm bảo phát triển bền vững; đảm bảo an ninh lương thực; chú trọng đáp ứng các yêu cầu về xã hội và chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn; nâng cao thu nhập và cải thiện điều kiện sống cho cư dân nông thôn, xóa đói giảm nghèo, xây dựng và phát triển nông thôn mới văn minh, giàu đẹp.

Duy trì tăng trưởng, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh; đáp ứng tốt nhu cầu, thị hiếu của người tiêu dùng trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân giai đoạn 2016 - 2020 là 5,47%/năm.

Chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm nội ngành nông, lâm, thủy sản theo hướng duy trì mức tăng trưởng ổn định ngành thủy sản đến năm 2020 đạt 80,54%; chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất ngành nông nghiệp theo hướng tăng dần tỷ trọng chăn nuôi đến năm 2015 đạt 23,8%; đến năm 2020 đạt 28%.

Giá trị sản lượng bình quân trên 01 ha đất nông, lâm nghiệp và thủy sản (theo giá thực tế) đến năm 2020 đạt 208 triệu đồng (lợi nhuận bình quân 87 triệu đồng/ha).

➤ Tầm nhìn đến năm 2030:

Tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản bình quân giai đoạn 2021- 2030 là 4,55%/năm.

Sản lượng thủy sản đạt 450.000 tấn (trong đó tôm 200.000 tấn, cá và thủy sản khác 250.000 tấn).

Sản lượng lúa đạt 1.165.000 tấn.

Sản lượng muối đạt 200.000 tấn (trong đó muối trắng 120.000 tấn).

## **5. Sử dụng đất nông nghiệp**

➤ Hiện trạng năm 2015, tổng diện tích đất nông nghiệp của tỉnh là 224.530,95 ha, chiếm 87,33% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh. Trong đó đất diện tích sản xuất nông nghiệp là 102.777,26 ha chiếm 45,77% tổng diện tích đất nông nghiệp.

Diện tích đất trồng cây hàng năm là 79.159,56 ha chiếm 77,02% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, với 98,05% diện tích là đất trồng lúa. Đất trồng cây hàng năm khác chỉ chiếm gần 2%.

Diện tích đất trồng cây lâu năm của tỉnh chiếm 22,98% diện tích đất sản xuất nông nghiệp tương ứng 22.611,7 ha.

Hiện trạng diện tích đất lâm nghiệp của tỉnh năm 2015 là 4.707,7 trong đó diện tích đất rừng sản xuất là 3 ha chỉ chiếm 0,06% và đất rừng phòng hộ là 4.704,7 ha chiếm 99,94%.

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 114.161,66 ha chiếm 50,84% tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của cả tỉnh.

Diện tích đất làm muối khoảng 2.663 ha tương ứng với 1,19 % tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp của tỉnh.

Diện tích đất nông nghiệp khác chiếm tỷ trọng không đáng kể chỉ khoảng 228 ha tương ứng 0,1%

➤ Theo quy hoạch sử dụng đất của tỉnh, đến năm 2020 diện tích đất nông nghiệp của tỉnh còn là 218.272 ha giảm 6.258,95 ha so với hiện trạng.

Diện tích đất trồng lúa tới năm 2020 tăng lên 83.000 ha.

Diện tích đất trồng cây lâu năm giảm còn 19.439 ha, giảm 4.172 ha so với hiện trạng.

Đất lâm nghiệp có rừng quy hoạch đến năm 2020 tăng lên thành 6.000 ha với đất từng loại như sau: rừng sản xuất là 245 ha và đất rừng phòng hộ là 5.000 ha và đất rừng đặc dụng là 755 ha.

Đất nuôi trồng thủy sản đến năm 2020 ổn định với diện tích 105.000 ha.

Diện tích đất diêm nghiệp tăng lên 2.731 ha.

## 6. Trồng trọt

➤ Giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo giá sinh 2010 giai đoạn 2011 - 2015 tăng trung bình 2,64%/năm. Trong đó, năm 2015 có tốc độ tăng trưởng cao nhất đạt hơn 9%.

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt theo giá hiện hành năm 2015 đạt 7.267.992 triệu đồng chiếm 68,2% trong cơ cấu ngành trồng trọt – chăn nuôi – dịch vụ.

Tổng sản lượng lúa so với năm 2010 tăng từ 809.512 lên 1.045.367 tấn năm 2015 (tăng bình quân hàng năm 2,82%). Diện tích gieo trồng lúa từ 158.302 ha năm 2010 tăng lên 177.441 ha năm 2015 (tăng bình quân hàng năm 2,64%).

Việc áp dụng chương trình 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, xây dựng mô hình cánh đồng mẫu lớn, đặc biệt là nâng diện tích sử dụng giống lúa chất lượng cao đã mang lại nhiều kết quả tích cực trong các vụ lúa.

Đối với các cây trồng khác (cây thực phẩm, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, cây ăn quả...) luôn duy trì ở mức 24 -25 ngàn ha, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng về rau, củ, quả trên địa bàn tỉnh.

➤ Mục tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Hướng đột phá trong sản xuất trồng trọt của tỉnh giai đoạn tới là đẩy nhanh ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, nhất là giống mới có năng suất, chất lượng cao, công nghệ sau thu hoạch và bảo quản sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường trong nước và xuất khẩu.

- Các sản phẩm chủ lực được lựa chọn để tập trung đầu tư là: Lúa, gạo chất lượng cao và đặc sản; rau, quả an toàn sinh học:

+ Đến năm 2020 diện tích sản xuất lúa là 196.120 ha, năng suất 5,64 tấn/ha, sản lượng đạt 1.100.000 tấn.

+ Đến năm 2020 diện tích rau các loại là 12.300 ha, sản lượng đạt 122.300 tấn, diện tích cây ăn trái là 6.000 ha, sản lượng đạt 45.800 tấn.

- Phấn đấu mỗi huyện, thành phố có từ 01 - 02 mô hình cánh đồng mẫu lớn được đầu tư xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất, đáp ứng được yêu cầu ứng dụng công nghệ cao, sản xuất lúa theo quy trình VietGAP để triển khai nhân rộng, từng bước hình thành vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao, lúa đặc sản, lúa chịu mặn mang thương hiệu Bạc Liêu, bao gồm vùng lúa chất lượng cao phục vụ xuất khẩu 50.000 ha thuộc Tiểu vùng giữ ngọt ổn định (trong đó có 10.000 ha ứng dụng công nghệ cao); vùng lúa đặc sản “Một bụi đỏ” có quy mô 35.000 ha thuộc Tiểu vùng chuyên đổi sản xuất (trong đó có 20.000 ha ứng dụng công nghệ cao) và vùng lúa “Tài nguyên Bạc Liêu” có quy mô 10.000 ha.

- Xây dựng vùng sản xuất lúa giống chất lượng cao, sạch bệnh trong dân (quy mô 500 ha), đáp ứng được nhu cầu phục vụ sản xuất trên địa bàn tỉnh; chọn tạo được ít nhất 03 giống lúa mang thương hiệu Bạc Liêu phù hợp với vùng nhiễm phèn, mặn.

## 7. Chăn nuôi

➤ Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi của tỉnh tăng bình quân 8,56%/năm giai đoạn 2011 - 2015 (theo giá so sánh 2010). Trong đó năm 2014 có tốc độ tăng trưởng mạnh nhất đạt 36,68%/năm, và đến năm 2015 thì giá trị sản xuất tụt giảm còn xấp xỉ 85% so với năm trước.

Hiện trạng chăn nuôi năm 2015:

- Đàn gia cầm là 2,68 triệu con trong đó gà 1.109.047 con, vịt 1.568.746 con đạt 102,99% kế hoạch;

- Đàn heo là 239.470 con;

- Đàn trâu là 1281 con;

- Đàn bò là 1.449 con;

- Sản lượng thịt hơi các loại gần 39.000 tấn, sản lượng trứng gia cầm 61,76 triệu quả.

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Chuyển dịch cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng gia cầm trong đàn vật nuôi; khuyến khích áp dụng công nghệ cao, tổ chức sản xuất khép kín hoặc liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị từ sản xuất giống, thức ăn đến chế biến để nâng cao năng suất, cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Phát triển chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm, gây nuôi động vật hoang dã theo hướng trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp (đàn lợn chiếm khoảng 30 - 40% tổng đàn vào năm 2020) gắn với các cơ sở giết mổ, chế biến và xử lý chất thải, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường; nhanh chóng chuyển đổi chăn nuôi nhỏ lẻ ở hộ gia đình trong các khu dân cư tập trung sang phương thức chăn nuôi trang trại, gia trại an toàn sinh học ngoài khu dân cư; hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo hình thức công nghiệp, áp dụng kỹ thuật và công nghệ phù hợp để vừa tạo cơ hội sinh kế cho hộ nông dân, vừa hạn chế dịch bệnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, vừa bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm ngành chăn nuôi.

Đến năm 2020 đàn gia cầm là 3,5 triệu con (trong đó đàn gà là 1,5 triệu con, đàn vịt là 2,0 triệu con); đàn lợn là 300 ngàn con; đàn trâu là 2.300 con; đàn bò là 2.000 con; đàn cá sấu là 400 ngàn con; đàn chim yến là 150 ngàn con và các loại động vật hoang dã khác là 500 ngàn con.

## 8. Thủy sản

➤ Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành thủy sản giai đoạn 2011 - 2015 trung bình 4,78%/năm. Riêng năm 2015 tốc độ tăng trưởng là 5,53%.

Giá trị sản xuất ngành thủy sản theo giá hiện hành năm 2015 là 26.649.384 triệu đồng. Trong đó giá trị từ khai thác thủy sản chiếm 18,89%, giá trị từ nuôi trồng thủy sản đạt 63,32%.

Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản khoảng 127.851 ha, được chia thành hai vùng sinh thái khác nhau: Vùng phía Nam Quốc lộ 1A nuôi chủ yếu tôm thâm canh - bán thâm canh và quảng canh cải tiến kết hợp khoảng 86.200 ha ; vùng phía Bắc Quốc lộ nuôi chủ yếu quảng canh kết hợp, tôm - lúa, tôm càng xanh - lúa và cá nước ngọt khoảng 41.251 ha.

Tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác trong năm đạt gần 298.500 tấn (trong đó, tôm 118.500 tấn, cá và thủy sản khác 180.000 tấn).

Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm là 191.584 tấn. Trong đó, sản lượng tôm 104.532 tấn.

Năm 2015, tổng số phương tiện tàu cá đánh bắt xa bờ là 696 phương tiện, (tổng công suất 160.080 CV); tổng sản lượng thủy sản khai thác là 106.916 tấn

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Sản lượng thủy sản đến năm 2020 đạt 370.000 tấn (trong đó tôm là 147.000 tấn, cá và thủy sản khác là 223.000 tấn);

Đến năm 2020, tổng diện tích canh tác chuyên nuôi trồng thủy sản là 112.272 ha (diện tích canh tác phân đất nội địa là 109.272 ha và khu vực bãi bồi ven biển là 3.000 ha); diện tích nuôi trồng thủy sản là 137.612 ha, trong đó diện tích nuôi tôm là 131.756 ha (nuôi tôm công nghiệp và bán công nghiệp là 23.350 ha, nuôi tôm quảng canh cải tiến là 366 ha, nuôi tôm quảng canh cải tiến kết hợp là 68.040 ha, nuôi tôm trên đất lúa - tôm là 21.990 ha và tôm - lúa là 18.010 ha) và diện tích nuôi trồng thủy sản khác là 5.856 ha (nuôi thủy sản nước lợ khác là 1.471ha; nuôi nghêu, sò là 3.000 ha và nuôi thủy sản nước ngọt là 1.385 ha); tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản là 250.000 tấn (trong đó tôm là 135.000 tấn, cá và thủy sản khác là 115.000 tấn).

Đến năm 2020, số phương tiện tàu cá là 1.450 phương tiện, tổng công suất 360.470 CV (trong đó tàu đánh bắt xa bờ là 1.160 phương tiện, công suất 352.640 CV), tổng sản lượng thủy sản khai thác là 120.000 tấn (trong đó tôm là 12.000 tấn, cá và thủy sản khác là 108.000 tấn).



## 9. Lâm nghiệp

➤ Tỷ lệ độ che phủ rừng cây phân tán và cây lâu năm đạt 12,18% diện tích tự nhiên, trong đó tỷ lệ che phủ rừng tập trung và cây phân tán chiếm 7,94% diện tích tự nhiên.

Giá trị sản xuất ngành lâm nghiệp giai đoạn 2011 - 2015 theo giá so sánh 2010 tăng liên tục, với tốc độ tăng bình quân giai đạt gần 15%/năm.

Giá trị sản xuất của ngành lâm nghiệp theo giá hiện hành 2015 đạt 113.099 triệu đồng. Trong đó, giá trị thu về từ trồng và chăm sóc rừng là 48.826 triệu đồng chiếm 43,17%; giá trị thu về từ khai thác gỗ và lâm sản khác là 63.754 triệu đồng chiếm 56,37%; và giá trị thu về từ dịch vụ lâm nghiệp chỉ đạt 519 triệu đồng chiếm tỷ trọng không đáng kể khoảng 0,46%.

Năm 2015, diện tích đất lâm nghiệp có rừng của tỉnh là 4.707,7 trong đó diện tích đất rừng sản xuất là 3 ha chỉ chiếm 0,06% và đất rừng phòng hộ là 4.704,7 ha chiếm 99,94%.

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Nâng tỷ lệ che phủ rừng, cây phân tán và cây lâu năm đến năm 2020 đạt 14,70% diện tích tự nhiên.

Đất lâm nghiệp có rừng quy hoạch đến năm 2020 tăng lên thành 6.000 ha với đất từng loại như sau: rừng sản xuất là 245 ha và đất rừng phòng hộ là 5.000 ha và đất rừng đặc dụng là 755 ha.

- Trồng mới 03 loại rừng giai đoạn 2016 - 2020 là 1.363 ha và trồng rừng khu vực vùng đệm để góp phần bảo vệ đa dạng sinh học các khu rừng đặc dụng trên địa bàn tỉnh (trong đó có 30% diện tích có rừng) giai đoạn 2016 - 2020 là 110 ha.

- Trồng rừng (ngoài 03 loại rừng) trên đất nuôi tôm quảng canh cải tiến kết hợp (thực hiện mô hình tôm - rừng theo tỷ lệ 70% diện tích đất mặt nước nuôi trồng thủy sản và 30% diện tích trồng rừng) lên 13.463 ha năm 2020 (trong đó diện tích có rừng 4.039 ha); trong đó tập trung chỉ đạo trồng rừng phía trong đê biển với quy mô 275 ha (đoạn từ kênh 130 đến đê biển và từ kênh Tư đến kênh Huyện Kế thuộc huyện Đông Hải và huyện Hòa Bình).

- Trồng rừng phòng hộ môi trường, bảo vệ cơ sở hạ tầng, trồng cây phân tán 30 triệu cây, với các loài cây: Phi lao, Sao đen, Dầu rái, Xà cừ, Phượng vĩ, Bằng lăng, Sưa vàng, Me, ... góp phần nâng cao độ che phủ, tạo cảnh quan môi trường sinh thái, làm cho nông thôn ngày càng xanh, sạch, đẹp.

- Nuôi dưỡng nâng cao chất lượng rừng 1.037,4 ha đối với diện tích rừng sản xuất lâm - ngư kết hợp đã đến tuổi tỉa thưa, nâng cao chất lượng rừng, tăng khả năng phòng hộ.

- Việc phát triển rừng phòng hộ môi trường (trồng cây xanh) mỗi năm cung cấp cho thị trường 7.540 - 11.310 m<sup>3</sup> gỗ xây dựng và 45.000 m<sup>3</sup> củi.

## 10. Sản xuất muối

➤ Năm 2015, diện tích sản xuất muối của tỉnh là 2.647 ha. Tổng sản lượng thu hoạch là 153.876 tấn. Năng suất bình quân 58,13 tấn/ha.

Toàn tỉnh hiện có 02 nhà máy chế biến muối với công suất chế biến 36.750 tấn/năm.

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Tập trung đầu tư hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng vùng muối, ưu tiên đầu tư xây dựng vùng sản xuất muối ứng dụng công nghệ cao với quy mô khoảng 1.500 ha (tại xã Long Điền Đông và xã Điền Hải, huyện Đông Hải) nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

Sản lượng muối đến năm 2020 đạt 180.000 tấn (trong đó muối trắng là 120.000 tấn).

Chuyển đổi nhanh từ phương thức sản xuất muối đen sang phương thức sản xuất muối trắng, ổn định địa bàn và diện tích sản xuất muối tập trung; xúc tiến thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã để giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm;

Tập trung đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng vùng muối, ưu tiên đầu tư xây dựng vùng sản xuất muối ứng dụng công nghệ cao với quy mô khoảng 1.500 ha (tại xã Long Điền Đông và xã Điền Hải, huyện Đông Hải); nhân rộng mô hình sản xuất kết hợp muối - nuôi trồng thủy sản để tăng thu nhập trên đơn vị sản xuất và cải thiện đời sống diêm dân.

Đẩy mạnh xúc tiến đầu tư xây dựng vùng muối nguyên liệu chất lượng cao; gắn kết giữa người sản xuất muối chất lượng cao với các nhà máy chế biến muối thực phẩm, sản xuất hóa chất trong việc ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho diêm dân, ổn định nguồn cung cấp nguyên liệu cho các nhà máy chế biến trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng cánh đồng lớn trong sản xuất muối (theo Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ) ở huyện Hòa Bình và huyện Đông Hải, với sự tham gia của bốn nhà (Nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp và diêm dân).

## 11. Thủy lợi

➤ Hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp và thủy sản được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng được yêu cầu sản xuất nông nghiệp, thủy sản. Đến nay, đã cơ bản hoàn thành, kênh cấp I và kênh cấp II đối với tiểu vùng giữ ngọt ổn định và tiểu vùng chuyển đổi sản xuất phía Bắc Quốc lộ 1A, riêng đối với vùng phía Nam Quốc lộ 1A thì còn hạn chế. Đối với các công trình thủy nông nội đồng mới đáp ứng khoảng 80 - 85% đối với Tiểu vùng giữ ngọt ổn định; khoảng 75 - 80% đối với Tiểu vùng chuyển đổi sản xuất và khoảng 70 - 75% đối với vùng Nam Quốc lộ 1A theo quy hoạch các hệ thống công trình.

- Việc triển khai xây dựng hạ tầng 15 ngàn ha nuôi tôm công nghiệp, bán công nghiệp được triển khai thực hiện quyết liệt.

- Các dự án phòng chống thiên tai đã được đầu tư xây dựng, như: Hệ thống cảnh báo thiên tai; Hệ thống công trình phân ranh mặn, ngọt tỉnh Sóc Trăng - Bạc Liêu; dự án khôi phục và nâng cấp đê biển Bạc Liêu; dự án tuyến đê biển Đông thuộc Chương trình 667 (bao gồm dự án Kè chống sạt lở khu vực cửa biển Nhà Mát, thành phố Bạc Liêu; tiểu dự án đê biển từ kênh Huyện Kế đến Nhà Mò; dự án xây dựng hệ thống công trình ngăn triều, chống ngập cho thành phố Bạc Liêu và vùng lân cận; công trình thí điểm gây bồi tạo bãi khu vực cửa sông ven biển Nhà Mát, dự án đầu tư xây dựng các tuyến đê cửa sông tỉnh Bạc Liêu,...) và dự án kè chống sạt lở cửa biển Gành Hào đã góp phần nâng cao hiệu quả cho công tác điều tiết nước phục vụ nuôi trồng thủy sản và sản xuất lúa, chống xói lở và xâm thực bờ biển, gây tạo bãi để khoanh nuôi phát triển rừng phòng hộ ven biển; ngăn triều chống ngập bảo vệ sản xuất và đời sống người dân.

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Mục tiêu thủy lợi đến năm 2020, Bạc Liêu sẽ tập trung khai thác và tận dụng tối đa lợi thế của ba tiểu vùng sinh thái, đó là: Tiểu vùng giữ ngọt ổn định (sinh thái ngọt), tiểu vùng chuyển đổi sản xuất phía Bắc Quốc lộ 1A (sinh thái lợ) và vùng phía Nam Quốc lộ 1A (sinh thái mặn);

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu, thực hiện kế hoạch tái cơ cấu ngành thủy lợi của địa phương trong giai đoạn 2016 - 2020, toàn tỉnh Bạc Liêu cần hơn 6.100 tỷ đồng để thi công các công trình thủy lợi.

Từ nguồn vốn này, tỉnh Bạc Liêu sẽ đầu tư xây dựng nâng cấp hệ thống đê biển, các cống trên đê biển; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất giống thủy sản; nạo vét các hệ thống thủy lợi cấp bách, tháo chua, rửa mặn phục vụ sản xuất. Đồng thời, tỉnh Bạc Liêu cũng duy tu, sửa chữa 16 cống ngăn mặn và xây dựng 30 trạm bơm nước do Bỉ đầu tư từ nguồn vốn ODA. Nạo vét các kênh thủy lợi ở một số tiểu vùng nhằm đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất; xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất lúa, tôm ở thị xã Giá Rai và huyện Hồng Dân... Việc tái cơ cấu ngành thủy lợi của Bạc Liêu nói trên nhằm đảm bảo cấp thoát nước phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; đồng thời góp phần mở rộng hệ thống giao thông đường thủy để phát triển giao thông nông thôn; chống triều cường và mặn xâm nhập, bảo vệ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản...

## **12. Ngành nghề nông thôn và cơ sở hạ tầng nông nghiệp**

### **❖ Ngành nghề nông thôn**

➤ Năm 2015, toàn tỉnh có 08 làng nghề được công nhận và một số làng nghề khác như: Nghề đan đất thuộc địa phận ấp Mỹ 1, xã Vĩnh Phú Đông, huyện Phước Long. Nghề mộc thuộc địa phận ấp Ninh Thạnh II, xã Ninh Hòa, huyện Hồng Dân. Nghề dệt chiếu. Nghề làm muối ở Đông Hải, Hòa Bình và thành phố Bạc Liêu, nhưng chỉ riêng ở làng nghề muối ở huyện Đông Hải là được công nhận là làng nghề. Một số làng có nghề như: nghề như chăm lá, rèn, bánh tráng ở huyện Hồng Dân, làng nghề đan lưới ở huyện Giá Rai. Các làng nghề này tuy chưa được công nhận là làng nghề truyền thống nhưng nó giữ vai trò to lớn trong đời sống của các hộ gia đình. Các cơ quan chính quyền địa phương đang cố gắng hoàn tất thủ tục để công nhận các làng nghề còn lại là nghề truyền thống để được đầu tư nhiều hơn về nguồn vốn, cơ sở hạ tầng cũng như là về thị trường đầu ra, các buổi tập huấn nâng cao tay nghề và thương hiệu của các làng nghề để có thể cạnh tranh với các làng nghề ở các địa phương khác.

Năm 2015, toàn tỉnh có 33 nhà máy, cơ sở chế biến thủy sản với tổng công suất khoảng 100.000 tấn/năm. Sản lượng chế biến thủy sản 4.825 tấn (trong đó tôm 4.748 tấn), sản lượng thủy sản xuất bán 10.012 tấn (trong đó tôm 9.927 tấn). Sản lượng gạo chế biến, xuất khẩu lương thực xuất bán hơn 6.000 tấn. Sản lượng muối mua vào 2.000 tấn, chế biến bán ra 3.000 tấn.

Hiện có 48 nhà máy xay xát và lau bóng gạo xuất khẩu, tổng công suất xay xát 2.984 tấn/ngày và lau bóng 96 tấn/ngày, hiện đang triển khai xây dựng nhà máy chế biến lương thực Vĩnh Lộc - Hồng Dân, công suất chế biến 200.000 tấn lúa/năm.

Hiện có 01 nhà máy chế biến thủy sản có sản xuất thêm mặt hàng chế biến cà tím, đậu bắp công suất 2.000 tấn/ năm.

Toàn tỉnh hiện có 02 nhà máy chế biến muối với công suất chế biến hiện có 36.750 tấn/năm.

➤ Mục tiêu của quy hoạch đến năm 2020, là khôi phục và khuyến khích phát triển làng nghề một cách bền vững, gắn với quá trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới; Trong đó phát triển làng nghề phải gắn với thu hút và giải quyết việc làm cho người lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tăng thu nhập, cải thiện đời sống cho nông dân. Đồng thời phát triển làng nghề phải gắn với bảo tồn và phát huy văn hóa địa phương thông qua các sản phẩm đặc trưng phục vụ cho phát triển du lịch.

Phấn đấu đến năm đến năm 2020 có 100% số điểm giết mổ nhỏ lẻ di dời vào các cơ sở giết mổ tập trung, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm hoặc chuyển đổi sang làm ngành nghề khác.

### **❖ Hạ tầng nông nghiệp:**

➤ Giai đoạn 2010 - 2015, toàn tỉnh đã xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 213 tuyến giao thông nông thôn với chiều dài 122,32 km; xây dựng mới 131 cầu giao

thông nông thôn: nạo vét 43 tuyến kênh thủy lợi. thủy nông nội đồng với khối lượng đào đắp 379.189 m<sup>2</sup>; xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa 16 trường học; nâng cấp, sửa chữa 05 trạm y tế; đưa vào sử dụng 01 chợ Phó Sinh; xây dựng 14 nhà văn hóa ấp và 09 cổng chào....

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Bạc Liêu sẽ huy động nhiều nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội như: Cơ bản hoàn thành các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu trên địa bàn xã, ấp, gồm: Giao thông, điện, thủy lợi, trường học, các trạm y tế, bệnh viện, cơ sở vật chất văn hóa góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và tăng mức thụ hưởng trực tiếp cho cư dân nông thôn. Đặc biệt, sẽ tập trung đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi - thủy nông nội đồng để đáp ứng yêu cầu của sản xuất nông nghiệp và phục vụ dân sinh; đầu tư các công trình điện đảm bảo cung cấp phục vụ sinh hoạt và sản xuất; xây dựng chợ nông thôn phát triển đúng theo quy hoạch, đáp ứng nhu cầu giao thương hàng hóa; hệ thống bưu điện văn hóa xã được duy trì và đổi mới hoạt động, chất lượng; tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình chính sách, hộ nghèo; Tăng cường vận động thêm nguồn lực xã hội hóa để chăm lo nhà ở cho đối tượng gặp khó khăn...

### **13. Phát triển nông thôn**

➤ Giai đoạn 2010 - 2015, phát triển nông thôn tỉnh Bạc Liêu luôn được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm triển khai thực hiện, tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn trên địa bàn theo tiêu chí nông thôn mới. Đến năm 2015, toàn tỉnh có 08 xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới, 11 xã đạt từ 15 - 18/19 tiêu chí, 20 xã đạt từ 10 - 14/19 tiêu chí, 10 xã đạt từ 05 - 09/19 tiêu chí.

Đến năm 2015, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 18.58% theo tiêu chí mới. 98,5% hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh.

Toàn tỉnh đến năm 2015 có 2.953 trang trại, gồm: 463 trang trại trồng cây hàng năm, 21 trang trại chăn nuôi và 2.414 trang trại nuôi trồng thủy sản.

➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Giai đoạn 2016 - 2020, Bạc Liêu đề ra mục tiêu có 25 xã đạt 19/19 tiêu chí; có 2 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Cùng với việc phấn đấu tăng số xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới, chương trình XDNTM của tỉnh thời gian tới tập trung đi sâu vào việc xây dựng và nâng cấp cơ bản hoàn thành các công trình thiết yếu đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn...

Một số chỉ tiêu cụ thể:

Phấn đấu 100% xã có đường ô tô về đến trung tâm;

Có 50% số xã đạt 19 / 19 tiêu chí nông thôn mới;

Tỷ lệ hộ dùng điện lưới Quốc gia 99,8%;

Tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm giảm 02%;

Tỷ lệ lao động qua đào tạo phấn đấu đạt 63%;

100% số xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế;

Tỷ lệ hộ dùng nước sạch 70% (trong đó, khu vực nông thôn 60%).

## 14. Đầu tư nông nghiệp và xuất khẩu nông sản

### ❖ Đầu tư nông nghiệp:

➤ Giai đoạn 2010 - 2015, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới, toàn tỉnh Bạc Liêu đã đầu tư trên 5.700 tỷ đồng cho các công trình xây dựng nông thôn mới. Trong đó, người dân đóng góp hơn 1.034 tỷ đồng, chiếm gần 18% tổng nguồn vốn. Nguồn vốn người dân đóng góp thông qua các hình thức như: Ngày công lao động; hiến đất xây dựng đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa ấp, trường học, trạm y tế, ô đê bao khép kín với diện tích gần 525.000m<sup>2</sup>; và 921 tỷ đồng người dân đầu tư vào phát triển sản xuất.

Giai đoạn này, tỉnh Bạc Liêu đã đưa ra 15 dự án trọng điểm ở 5 lĩnh vực đề kêu gọi vốn đầu tư trong năm 2015, trong đó, 3 dự án thuộc lĩnh vực đầu tư khu dân cư, khu đô thị mới; 2 dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, phát triển du lịch; 6 dự án thuộc lĩnh vực đầu tư kết cấu hạ tầng; 2 dự án lĩnh vực y tế và 2 dự án thuộc lĩnh vực phục vụ nông nghiệp.

Một số dự án đã được các nhà đầu tư tổ chức thực hiện như: Dự án xây dựng cảng Gành Hào - Bạc Liêu có tổng mức đầu tư khoảng 600 tỷ đồng; dự án hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp Láng Trâm, tổng vốn đầu tư dự kiến 670 tỷ đồng; dự án đầu tư các khu sản xuất nông nghiệp ứng dụng cao, tổng vốn dự kiến 1.362 tỷ đồng.

Tỉnh Bạc Liêu đã đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất chế phẩm sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp, tổng vốn 100 tỷ đồng. Dự án nhằm tăng hiệu quả sản xuất, tạo ra sản phẩm sạch từ lúa, rau màu, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm... chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường. Bạc Liêu cũng kêu gọi đầu tư ...

Năm 2015, Bạc Liêu đã và đang thu hút các dự án lớn như: xây dựng nhà máy chế biến cá chình xuất khẩu của Hàn Quốc tại huyện Hồng Dân; Đặc biệt đã khởi công xây dựng khu phức hợp sản xuất, nuôi tôm chất lượng cao của Tập đoàn Việt Úc tại xã Hiệp Thành, thành phố Bạc Liêu. Dự án trọng điểm xây dựng cầu dẫn và khu cảnh quan nhân tạo trên biển Bạc Liêu với tổng mức đầu tư trên 100 tỷ đồng...

### ➤ Mục tiêu đến năm 2020:

Trong giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh tập trung kêu gọi đầu tư trực tiếp nước ngoài vào nông nghiệp trong giai đoạn 2016 - 2020 bao gồm 10 hạng mục chính: Khu dịch vụ hậu cần nghề cá tại thị trấn Gành Hào với tổng vốn đầu tư dự kiến là 400 tỷ đồng; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với vốn đầu tư dự kiến là 1.500 tỷ đồng; các dự án đầu tư chế biến muối và các sản phẩm từ đồng muối; Đầu tư nhà máy sản xuất thức ăn thủy sản với tổng vốn đầu tư dự kiến 50 tỷ đồng; Xây dựng nhà máy chế biến hàng nông sản với tổng vốn dự kiến là 100 tỷ đồng; Đầu tư nhà máy chế biến nông sản hoa màu rắn với đầu tư liên kết sản xuất xây dựng cánh đồng mẫu lớn; Xây dựng nhà máy chế biến hàng hải sản; Xây dựng nhà máy chế biến thịt gia súc gia cầm và xây dựng nhà máy sản xuất vi sinh và các chế

phẩm sinh học phục vụ nuôi trồng thủy sản và nông nghiệp; dự án đầu tư nhà máy thuộc da cá sấu trần rắn trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Địa điểm tập trung để thực hiện các dự án phần lớn tại khu công nghiệp Trà Kha, các Khu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh và sử dụng diện tích đất đã được giải phóng sẵn mặt bằng.

❖ **Xuất khẩu nông sản:**

Giá trị hàng hóa xuất khẩu trên địa bàn năm 2015 của tỉnh đạt 474,233 triệu USD, trong đó giá trị xuất khẩu hàng nông sản đạt 24,333 triệu USD, hàng thủy sản đạt 450,0 triệu USD. Các mặt hàng nông sản chính xuất khẩu là: gạo (18.281 tấn), thủy sản đông lạnh (44.270 tấn).